

**DANH MỤC KHÁM SỨC KHỎE THỰC HIỆN CẬN LÂM SÀNG
(TỪ 18 TUỔI TRỞ LÊN VÀ DƯỚI 18 TUỔI)**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BVĐK ngày /5/2026 của BVĐK Tân Yên)

Khám theo Thông tư 32/2023/TT-BYT

Mẫu giấy khám: Theo phụ lục XXIV Thông tư 32/2023/TT-BYT

STT	DANH MỤC KHÁM	Đơn giá
I	Khám thể lực	
II	Khám lâm sàng	
1	Nội khoa	
	- Tuần hoàn	
	- Hô hấp	
	- Tiêu hóa	
	- Thận - tiết niệu	
	- Nội tiết	
	- Cơ- Xương- Khớp	160.000
	- Thần kinh	
	- Tâm Thần	
	- Nội tiết	
2	Ngoại - Da liễu	
3	Sản phụ khoa	
4	Mắt	
5	Tai-Mũi-Họng	
6	Răng- Hàm- Mặt	
III	Cận lâm sàng	
1	Chụp Xquang ngực thẳng số hóa 1 phim (Không in phim)	45.700
2	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi	43.500
3	Tổng phân tích nước tiểu	28.600
4	Định lượng Glucose: Phát hiện và đánh giá bệnh lý tiểu đường.	22.400
5	Chức năng gan: SGOT (AST) + SGPT (ALT)	44.800
6	Chức năng thận (ure + creatinine)	44.800
TỔNG		389.800

**DANH MỤC KHÁM SỨC KHỎE THEO YÊU CẦU KHÔNG THỰC HIỆN CẬN LÂM SÀNG
(TỪ 18 TUỔI TRỞ LÊN VÀ DƯỚI 18 TUỔI)**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BVĐK ngày /5/2026 của BVĐK Tân Yên)

Khám theo Thông tư 32/2023/TT-BYT

Mẫu giấy khám: Theo phụ lục XXIV Thông tư 32/2023/TT-BYT

STT	DANH MỤC KHÁM	Đơn giá
I	Khám thể lực	
II	Khám lâm sàng	
1	Nội khoa	160.000
	- Tuần hoàn	
	- Hô hấp	
	- Tiêu hóa	
	- Thận - tiết niệu	
	- Nội tiết	
	- Cơ- Xương- Khớp	
	- Thần kinh	
	- Tâm Thần	
	- Nội tiết	
2	Ngoại - Da liễu	
3	Sản phụ khoa	
4	Mắt	
5	Tai-Mũi-Họng	
6	Răng- Hàm- Mặt	
TỔNG		160.000

DANH MỤC KHÁM SỨC KHỎE LÁI XE

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BVĐK ngày / 5 /2026 của BVĐK Tân Yên)

Khám theo Thông tư 36/2024/TT-BYT

Mẫu giấy khám: Theo phụ lục II Thông tư 36/2024/TT-BYT

STT	DANH MỤC KHÁM	Đơn giá
I	KHÁM LÂM SÀNG	
1	Khám nội tổng quát	160.000
	- Tâm thần	
	- Thần kinh	
	- Tim mạch	
	- Hô hấp	
	- Cơ Xương Khớp	
	- Nội tiết	
2	Mắt	
3	Tai-Mũi-Họng	
II	CẬN LÂM SÀNG	
1	Xét nghiệm ma túy (bắt buộc)	
1.1	Test chất gây nghiện (5 thành phần)	
	Định tính Morphin (Test nhanh) [Niệu]	44.800
	Định tính Amphetamin (Test nhanh) [Niệu]	44.800
	Định tính Codein (Test nhanh) [Niệu]	44.800
	Định tính Marijuana (THC) (Test nhanh) [Niệu]	44.800
	Định tính Heroin (Test nhanh) [Niệu]	0
	TỔNG	339.200

DANH MỤC KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ LÁI XE

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BVĐK ngày /5/2026 của BVĐK Tân Yên)

Khám theo Thông tư 36/2024/TT-BYT

Mẫu giấy khám: Theo phụ lục II Thông tư 36/2024/TT-BYT

STT	DANH MỤC KHÁM	Đơn giá
I	KHÁM LÂM SÀNG	
1	Khám nội tổng quát	
	- Tâm thần	
	- Thần kinh	
	- Tim mạch	
	- Hô hấp	
	- Cơ Xương Khớp	
	- Nội tiết	
2	Mắt	
3	Tai-Mũi-Họng	
		160.000
II	CẬN LÂM SÀNG	
1	Xét nghiệm ma túy (bắt buộc)	
1.1	Test chất gây nghiện (5 thành phần)	
	Định tính Morphin (Test nhanh) [Niệu]	44.800
	Định tính Amphetamin (Test nhanh) [Niệu]	44.800
	Định tính Codein (Test nhanh) [Niệu]	44.800
	Định tính Marijuana (THC) (Test nhanh) [Niệu]	44.800
	Định tính Heroin (Test nhanh) [Niệu]	0
1.2	Chụp Xquang ngực thẳng số hóa 1 phim (Không in phim)	45.700
1.3	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi	43.500
1.4	Tổng phân tích nước tiểu	28.600
1.5	Định lượng Glucose: Phát hiện và đánh giá bệnh lý tiểu đường.	22.400
1.6	Chức năng gan: SGOT (AST) + SGPT (ALT)	44.800
1.7	Chức năng thận (ure + creatinine)	44.800
	TỔNG	569.000

DANH MỤC KHÁM SỨC ĐỊNH KỲ THỰC HIỆN CẬN LÂM SÀNG
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BVĐK ngày /5/2026 của BVĐK Tân Yên)

Khám theo Thông tư 32/2023/TT-BYT

Mẫu giấy khám: Theo phụ lục XXIV Thông tư 32/2023/TT-BYT

STT	DANH MỤC KHÁM	Đơn giá
I	Khám thể lực	
II	Khám lâm sàng	
1	Nội khoa	
	- Tuần hoàn	
	- Hô hấp	
	- Tiêu hóa	
	- Thận - tiết niệu	
	- Nội tiết	
	- Cơ- Xương- Khớp	
	- Thần kinh	
	- Tâm Thần	
	- Nội tiết	
2	Ngoại - Da liễu	
3	Sản phụ khoa	
4	Mắt	
5	Tai-Mũi-Họng	
6	Răng- Hàm- Mặt	
		160.000
III	Cận lâm sàng	
1	Chụp Xquang ngực thẳng số hóa 1 phim (Không in phim)	45.700
2	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi	43.500
3	Tổng phân tích nước tiểu	28.600
4	Định lượng Glucose: Phát hiện và đánh giá bệnh lý tiểu đường.	22.400
5	Chức năng gan: SGOT (AST) + SGPT (ALT)	44.800
6	Chức năng thận (ure + creatinine)	44.800
	TỔNG	389.800

**DANH MỤC KHÁM SỨC ĐỊNH KỲ THỰC HIỆN CẬN LÂM SÀNG ĐỐI VỚI ĐỐI
TƯỢNG LAO ĐỘNG NẶNG NHỌC, HƯỞNG PHỤ CẤP ĐỘC HẠI**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BVĐK ngày /5/2026 của BVĐK Tân Yên)

Khám theo Thông tư 32/2023/TT-BYT

Mẫu giấy khám: Theo phụ lục XXIV Thông tư 32/2023/TT-BYT

STT	DANH MỤC KHÁM	Đơn giá
I	Khám thể lực	
II	Khám lâm sàng	
1	Nội khoa	
	- Tuần hoàn	
	- Hô hấp	
	- Tiêu hóa	
	- Thận - tiết niệu	
	- Nội tiết	
	- Cơ- Xương- Khớp	
	- Thần kinh	
	- Tâm Thần	
	- Nội tiết	
		160.000
2	Ngoại - Da liễu	
3	Sản phụ khoa	
4	Mắt	
5	Tai-Mũi-Họng	
6	Răng- Hàm- Mặt	
III	Cận lâm sàng	
1	Chụp Xquang ngực thẳng số hóa 1 phim (Không in phim)	45.700
2	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi	43.500
3	Tổng phân tích nước tiểu	28.600
4	Định lượng Glucose: Phát hiện và đánh giá bệnh lý tiểu đường.	22.400
5	Chức năng gan: SGOT (AST) + SGPT (ALT)	44.800
6	Chức năng thận (ure + creatinine)	44.800
7	Test nhanh HBsAg	55.400
8	Test nhanh HCV	55.400
9	Test nhanh HIV	55.400
	TỔNG	556.000